|  |  |
| --- | --- |
| **(2)………………………………….**Số:………… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc***……….Ngày…….tháng…….năm 2020* |

**(1)………………….**

***V/v: Giao dịch các mặt hàng thuộc nhóm năng lượng và nộp Khoản dự phòng rủi ro thanh toán tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam***

**CHỦ SỞ HỮU/ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN**

**CÔNG TY (2)………………………………………………………**

* *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
* *Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty (2) ……………………………………………;*
* *Căn cứ (3)Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên số ………………………………..v/v Giao dịch mặt hàng năng lượng và nộp Khoản dự phòng rủi ro thanh toán tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày ……………….;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Chấp thuận giao dịch Hợp đồng kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa đối với các mặt hàng thuộc nhóm năng lượng và chấp thuận mọi điều kiện do MXV ban hành để giao dịch loại Hợp đồng này tại MXV.

**Điều 2**: Chấp thuận nộp Khoản dự phòng rủi ro thanh toán trước khi thực hiện giao dịch theo quy định của MXV.

**Điều 3**: Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty ký Bản Cam kết, Đơn đề nghị và thực hiện các thủ tục cần thiết khác để giao dịch các mặt hàng thuộc nhóm năng lượng theo quy định của MXV và quy định pháp luật.

**Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày...../..../.... .

Các Cổ đông/Thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, các bộ phận, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:****- Như­ Điều 4;**- Các tổ chức, cá nhân có liên quan;* *- Lưu HC./.* | **CHỦ SỞ HỮU/****TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN.**(Người ký ghi rõ họ tên, đóng dấu Công ty, dấu chức danh) |

(1): Tên văn bản: Là Nghị quyết đối với trường hợp cơ quan ban hành là Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần. Là Quyết định đối với trường hợp cơ quan ban hành văn bản là Chủ sở hữu của Công ty TNHH một thành viên, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần, Hội đồng thành viên của Công ty TNHH hai thành viên trở lên, hoặc Công ty TNHH một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu.

(2): Tên Công ty ghi đầy đủ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(3): Trường hợp Công ty TNHH một thành viên có cá nhân là chủ sở hữu thì không cần biên bản họp.